

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 22-5-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Văn Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Nguyễn Văn Luận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh:** Bà Quách Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị H**, sinh năm: 2002

Nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.** (Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh **Trần Nhật H1**, sinh năm: 1998;

Nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.** (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trần Thị H** trình bày:*

Chị **Trần Thị H** với anh **Trần Nhật H1** tự do tìm hiểu, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2020, tại **UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.** Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh **Trần Nhật H1** thường xuyên rượu chè, cờ bạc, đánh đập vợ con, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng, mặc dù đã nhiều lần được hai bên gia đình phân tích, hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay, chị **Trần Thị H** nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Nhật H1**; Về con chung: Quá trình hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trần Phương U**, sinh ngày 28-5-2022. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu **U** sinh sống cùng chị **H** tại nhà ngoại ở **Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Nay ly hôn, chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **U** và không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh **Trần Nhật H1**. Nhưng do anh **Trần Nhật H1** thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không tổng đạt được. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh **H1** theo quy định của pháp luật.

Toà án nhân dân thị xã Kỳ Anh đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do anh **H1** vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh **H1** về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **H**. Vì vậy, chị **H** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Anh **Trần Nhật H1** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị **Trần Thị H** được ly hôn với anh **Trần Nhật H1**; Về con chung: Giao con chung cháu **Trần Phương U**, sinh ngày 28-5-2022 cho chị **Trần Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị H** về việc không yêu cầu anh **Trần Nhật H1** cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Trần Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Trần Nhật H1** và yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn **Trần Nhật H1** hiện nay đang cư trú tại **Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** (theo biên bản xác minh ngày 10-3-2024 của TAND thị xã Kỳ Anh) chưa thay đổi nơi cư trú. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **Trần Nhật H1** nhưng anh **H1** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Trần Nhật H1**.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thị H** với anh **Trần Nhật H1** có đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2020, tại **UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Hôn nhân giữa chị **H** với anh **H1** được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị **H** với anh **H1** là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị **H** thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh **H1** không tu chí làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên rượu

chè, cờ bạc về nhà đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn giữa chị và anh H1 đã được hai bên gia đình nội ngoại hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa.

Mặt khác, anh Trần Nhật H1 không quan tâm hay thăm hỏi đến vợ con trong thời gian sống ly thân, chứng tỏ anh H1 không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Nhật H1.

[3.2]. Về con chung: Quá trình hôn nhân với chị Trần Thị H với anh Trần Nhật H1 có 01 con chung là cháu Trần Phương U, sinh ngày 28-5-2022. Xét chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Từ khi chị H và anh H1 sống ly thân đến nay thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu U. Hiện nay, cháu U đang sinh sống cùng chị H tại nhà bố mẹ đẻ của chị H ở Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh và đang được chị H chăm sóc nuôi dưỡng tốt về mọi mặt. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân anh H1 không gọi điện hỏi thăm hay gửi tiền để cho chị H nuôi con. Chứng tỏ, anh H1 là một người bố không có trách nhiệm, không quan tâm đến con cái. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu U được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị H và anh H1 sau khi ly hôn. Nên căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Phương U cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tròn 18 tuổi là phù hợp.

Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Trần Nhật H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Trần Thị H** với anh **Trần Nhật H1**

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu **Trần Phương U**, sinh ngày 28-5-2022 cho chị **Trần Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **U** thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị H** về việc không yêu cầu anh **Trần Nhật H1** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014641 ngày 20-2-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Chị **Trần Thị H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Kỳ Anh ;

**T.M/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS T.X Kỳ Anh;
- UBND phường Kỳ Long,  
thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Văn Tư**